

Số: 2581 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 22 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-P ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ các quyết định: số 226/QĐ-UBND ngày 25/01/2024; số 305/QĐ-UBND ngày 02/02/2024; số 1137/QĐ-UBND ngày 29/5/2024; số 1175/QĐ-UBND ngày 03/6/2024; số 1723/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3255/TTr-SGTVT ngày 18/10/2024 về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 58 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Sở Giao thông vận tải thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này.

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung phê duyệt đối với 31 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại các số thứ tự: 14, 15, 19 đến 29, 34 đến 38, 42 đến 48, 50 đến 54, 56 mục I Phần I; các số thứ tự: 14, 15, 19 đến 29, 34 đến 38, 42 đến 48, 50 đến 54, 56 mục I Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.

Bãi bỏ các nội dung phê duyệt đối với 6 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại các số thứ tự: 1, 2, 3, 5, 8, 9 mục I Phần I; các số thứ tự: 1, 2, 3, 5, 8, 9 mục I Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 2593/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.

Bãi bỏ các nội dung phê duyệt đối với 18 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại các số thứ tự: 1, 2, 3, 4, 7, 8, 9 mục I, 1 đến 11 mục II Phần I; các số thứ tự: 1, 2, 3, 4, 7, 8, 9 mục I, 1 đến 11 mục II Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao Thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT tỉnh; Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP11

CHỦ TỊCH



Phạm Đình Nghị

Phụ lục
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG
BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 11 /2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần I
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	TÊN QUY TRÌNH NỘI BỘ
1	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ
2	Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống quốc lộ đang khai thác
3	Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ
4	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ
5	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ
6	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác
7	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác
8	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý
9	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác
10	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động
11	Cấp mới giấy phép lái xe
12	Cấp lại giấy phép lái xe
13	Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp
14	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp
15	Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp
16	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài
17	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam

STT	TÊN QUY TRÌNH NỘI BỘ
18	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu
19	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn
20	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng
21	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất
23	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố
24	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
25	Thủ tục Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến
26	Thủ tục Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
27	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2
28	Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động
29	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia
30	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
31	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
32	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
33	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
34	Cấp Giấy phép xe tập lái
35	Cấp lại Giấy phép xe tập lái
36	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô
37	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo
38	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác
39	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động
40	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
41	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy phép hoặc Giấy phép kinh doanh bị mất, hỏng, thu hồi, bị tước quyền sử dụng
42	Cấp lại giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng
43	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh

STT	TÊN QUY TRÌNH NỘI BỘ
	vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo rơ mooc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe trung chuyển
44	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo rơ mooc hoặc sơ mi rơ mooc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường, xe taxi tải và xe trung chuyển
45	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới
46	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc
47	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
48	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
49	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam và Lào
50	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam và Lào
51	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào
52	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia
53	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia
54	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
55	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
56	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
57	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia
58	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ

- Mã số TTHC: 1.000028.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 24 giờ làm việc (03 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận, hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông. - Hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị theo mẫu quy định; + Bản sao Giấy đăng ký xe hoặc Giấy đăng ký tạm thời đối với phương tiện mới nhận; + Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; bản sao tính năng kỹ thuật của xe đối với phương tiện mới nhận (do nhà sản xuất gửi kèm theo xe); + Phương án vận chuyển gồm các nội dung sau: thông tin về tuyến đường vận chuyển; thông tin về phương tiện vận chuyển; thông tin hàng hóa chuyên chở có xác nhận của chủ hàng, gồm các thông số kích thước về chiều dài, chiều rộng và chiều cao (D x R x C) mét; khối lượng, hình ảnh (nếu có); hợp đồng vận chuyển hoặc văn bản chỉ định đơn vị vận 	02	Đơn đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ

			chuyển của chủ hàng hoặc đơn vị thuê vận chuyển; báo cáo kết quả khảo sát (đối với trường hợp phải khảo sát); báo cáo kết quả hoàn thành gia cường đường bộ (đối với trường hợp phải gia cường đường bộ).			
Bước 2	Phòng Quản lý KCHT giao thông	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	18	Dự thảo Giấy phép lưu hành	
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo Giấy phép lưu hành			
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy dự thảo Giấy phép lưu hành, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt			
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ		02	Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ
Bước 6	Phòng QLKCHTGT, Văn thư Văn phòng Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh			
Bước 7	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	02		

2. Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống quốc lộ đang khai thác

- Mã số TTHC: 1.001075.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 56 giờ làm việc (07 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý kết cấu HTGT. - Hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu + Hồ sơ thiết kế công trình (thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công), báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm các thông tin về vị trí và lý trình công trình đường bộ tại nơi xây dựng công trình; bản vẽ thể hiện diện tích, kích thước công trình trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; bản vẽ thể hiện mặt đứng và khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ, khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; bộ phận công trình đường bộ phải đào, khoan khi xây dựng công trình; thiết kế kết cấu và biện pháp thi công hoàn trả công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ bị đào hoặc ảnh hưởng do thi công công trình. + Công trình lắp đặt vào cầu, hầm hoặc các công trình 	02	Đơn đề nghị xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu

			đường bộ có kết cấu phức tạp khác ngoài hồ sơ quy định phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế. + Đối với công trình xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, ngoài hồ sơ quy định phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình đến bề mặt dải phân cách giữa, từ công trình đến mép ngoài dải phân cách giữa.		
Bước 2	Phòng Quản lý KCHT giao thông	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	50	Dự thảo Văn bản chấp thuận
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo Văn bản chấp thuận		
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy dự thảo Văn bản chấp thuận, trình Lãnh đạo Sở		
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Văn bản chấp thuận.		
Bước 6	Phòng QLKCHTGT, Văn thư Văn phòng Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT&HTDN tỉnh	02	Văn bản chấp thuận
Bước 7	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT&HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	02	Văn bản chấp thuận

3. Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ

- Mã số TTHC: 1.000583.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 40 giờ làm việc (5 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý kết cấu HTGT. - Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ. 	02	Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ
Bước 2	Phòng Quản lý KCHT giao thông	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	34	Dự thảo Văn bản gia hạn chấp thuận
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo Văn bản gia hạn chấp thuận		
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy dự thảo Văn bản gia hạn chấp thuận, trình Lãnh đạo Sở		
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Văn bản gia hạn chấp thuận		Văn bản gia hạn chấp thuận
Bước 6	Phòng QLKCHTGT, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	
Bước 7	Trung tâm phục vụ hành chính công,	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả. 	02	Văn bản gia hạn chấp thuận

	XTĐT& HTDN tỉnh				
--	--------------------	--	--	--	--

4. Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ

- Mã số TTHC: 1.001046.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 80 giờ làm việc (10 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý kết cấu HTGT. - Hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao theo mẫu + Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu); hoặc văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) + Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao + Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao 	02	Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao

			thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính)		
Bước 2	Phòng Quản lý KCHT giao thông	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	74	Dự thảo Văn bản Chấp thuận
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo Văn bản chấp thuận		
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy dự thảo Văn bản chấp thuận, trình Lãnh đạo Sở		
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Văn bản Chấp thuận		Văn bản Chấp thuận
Bước 6	Phòng QLKCHTGT, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	
Bước 7	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	02	Văn bản Chấp thuận

5. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ

- Mã số TTHC: 1.001061.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 56 giờ làm việc (7 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công,	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ	02	Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình

	XTĐT& HTDN tỉnh		<p>công trực tuyến tới Phòng Quản lý kết cấu HTGT.</p> <p>- Hồ sơ gồm:</p> <p>+ Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu;</p> <p>+ Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);</p> <p>+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).</p>		
Bước 2	Phòng Quản lý KCHT giao thông	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	50	Dự thảo Giấy phép thi công
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, Dự thảo Giấy phép thi công		
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy Dự thảo Giấy phép thi công, trình Lãnh đạo Sở		
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy phép thi công		Giấy phép thi công
Bước 6	Phòng QLKCHTGT, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh		02
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<p>- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình;</p> <p>- Trả kết quả.</p>	02	

6. Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác

- Mã số TTHC: 2.001963.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: Không quá 4 ngày làm việc (32 giờ làm việc) kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (không tính thời gian kiểm tra hiện trường) đối với chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình điện từ 35 kV trở xuống có tổng chiều dài nhỏ hơn 01 km xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Trường hợp phải kiểm tra hiện trường thì thời hạn chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công không quá 10 ngày làm việc (80 giờ làm việc).

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý kết cấu HTGT. - Hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu theo mẫu; + 02 (hai) bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biện pháp tổ chức thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện: Quy mô công trình, hạng mục công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, 	02	Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

			<p>mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ. Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa. Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế.</p> <p>+ Biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông.</p>		
Bước 2	Phòng Quản lý KCHT giao thông	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	+ 26 giờ làm việc (không tính thời gian kiểm tra hiện trường) đối với chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình điện từ 35 kV trở xuống có tổng chiều dài nhỏ hơn 01 km xây dựng trong phạm vi bảo	Dự thảo Văn bản chấp thuận
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo Văn bản chấp thuận		
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy dự thảo Văn bản chấp thuận, trình Lãnh đạo Sở		
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Văn bản chấp thuận.		Văn bản chấp thuận

				vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. + 74 giờ làm việc đối với trường hợp phải kiểm tra hiện trường.	
Bước 6	Phòng QLKCHTGT, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	Văn bản chấp thuận
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	02	

7. Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác

- Mã số TTHC: 2.001919.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 56 giờ làm việc (07 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý kết cấu HTGT.	02	Đơn đề nghị

			<p>- Hồ sơ gồm:</p> <p>+ Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu;</p> <p>+ Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>+ 02 (hai) bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biện pháp tổ chức thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).</p> <p>+ Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện: Quy mô công trình, hạng mục công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ. Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa. Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế.</p> <p>+ Biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông.</p>		
Bước 2	Phòng Quản lý KCHT	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	50	

Bước 3	giao thông	Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo Giấy phép thi công xây dựng		Dự thảo Giấy phép thi công xây dựng
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy dự thảo Giấy phép thi công xây dựng, trình Lãnh đạo Sở		
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy phép thi công xây dựng	02	Giấy phép thi công xây dựng
Bước 6	Phòng QLKCHT, Văn thư Văn phòng Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh		
Bước 7	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	02	Giấy phép thi công xây dựng

8. Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý

- Mã số TTHC: 1.001035.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 56 giờ làm việc (7 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý kết cấu HTGT. - Hồ sơ gồm:	02	Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình

			<ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình biển quảng cáo tạm thời theo mẫu; + Văn bản chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); + 02 bộ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). 		
Bước 2	Phòng Quản lý KCHT giao thông	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	50	Dự thảo Giấy phép thi công
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo Giấy phép thi công		
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy dự thảo Giấy phép thi công, trình Lãnh đạo Sở		
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy phép thi công		Giấy phép thi công
Bước 6	Phòng QLKCHTGT, Văn thư Văn phòng Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT&HTDN tỉnh	02	
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT&HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả 	02	Giấy phép thi công

9. Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác

- Mã số TTHC: 1.001087.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 56 giờ làm việc (7 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý kết cấu HTGT. - Hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu; + Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); + Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). 	02	Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình
Bước 2	Phòng Quản lý KCHT giao thông	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	50	Dự thảo Giấy phép thi công
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo Giấy phép thi công		
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy dự thảo Giấy phép thi công, trình Lãnh đạo Sở		
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy phép thi công		Giấy phép thi công

Bước 6	Phòng QLKCHTGT, Văn thư Văn phòng Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	Giấy phép thi công
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	02	

10. Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động

- Mã số TTHC: 2.000769.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 24 giờ làm việc (3 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí; Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy chuyển Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. - Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại; - Trường hợp hồ sơ hợp lệ sau 03 ngày làm việc thực hiện cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ. Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị đổi, cấp lại Chứng chỉ theo mẫu quy định;	08	Đơn đề nghị đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

			- 03 ảnh màu kích thước 2x3cm chụp không quá 06 tháng, kiểu Giấy chứng minh nhân dân.		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo phòng	Tiếp nhận hồ sơ, phân công kiểm tra, xử lý	02	
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo Chứng chỉ bồi dưỡng, dán ảnh	10	Dự thảo Chứng chỉ bồi dưỡng, dán ảnh
Bước 4	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL, Văn Phòng Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	02	Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

11. Cấp mới giấy phép lái xe

- Mã số TTHC: 1.002835.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: Không quá 80 giờ làm việc (10 ngày làm việc) kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Cơ sở đào tạo lái xe	Cá nhân được cơ sở đào tạo phân công nhiệm vụ	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, thu phí, lệ phí, đào tạo học viên. a) Thành phần hồ sơ: * Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu: - Hồ sơ do người học lái xe nộp: + Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định; + Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh		- Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe - Mẫu bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn (Đối với người học nâng

			<p>thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;</p> <p>+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.</p> <p>* Đối với người dự sát hạch nâng hạng Giấy phép lái xe lên hạng B1, B2, C, D, E:</p> <p>- Hồ sơ do người học nâng hạng Giấy phép lái xe nộp:</p> <p>+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định;</p> <p>+ Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;</p> <p>+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;</p> <p>+ Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dự sát hạch);</p> <p>+ Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn theo mẫu quy định.</p>		hạng GPLX)
Bước 2	Cơ sở đào tạo lái xe	Cá nhân được cơ sở đào tạo phân công nhiệm vụ	<p>- Gửi báo cáo, hồ sơ và điều kiện người dự sát hạch về Phòng quản lý Vận Tải-PTNL.</p> <p>* Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu:</p> <p>+ Hồ sơ của người học lái xe;</p> <p>+ Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng B1, B2 và C;</p> <p>* Đối với người dự sát hạch nâng hạng Giấy phép lái xe lên</p>		Danh sách vào hồ sơ của học viên đủ điều kiện dự sát hạch

			<p>hạng B1, B2, C, D, E:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ của người học nâng hạng Giấy phép lái xe; + Chứng chỉ đào tạo nâng hạng; + Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng. 		
Bước 3	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận báo cáo, kiểm tra hồ sơ và điều kiện người dự sát hạch theo quy định. - Trình giám đốc sở ban hành Quyết định tổ chức kỳ sát hạch; thành lập Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch và danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng. 		Dự thảo danh sách học viên đủ điều kiện dự sát hạch
Bước 4	Trung tâm sát hạch	Cá nhân được trung tâm sát hạch phân công nhiệm vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm tra, chấm điểm theo quy định để thực hiện các kỳ sát hạch - Học viên tham dự kỳ sát hạch và đạt kết quả sát hạch theo yêu cầu. 		Danh sách học viên vắng sát hạch và học viên có kết quả sát hạch đạt, không đạt
Bước 5	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đối chiếu danh sách hồ sơ học viên đạt kết quả sát hạch. - Trình giám đốc Sở ban hành Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch. - Xác thực dữ liệu lên hệ thống GPLX trung ương. 	24	Dự thảo danh sách học viên đạt kết quả sát hạch, cấp GPLX
Bước 6	Sở giao thông vận tải	Lãnh đạo sở	<ul style="list-style-type: none"> - Ký điện tử GPLX qua hệ thống. 	16	Phê duyệt danh sách học viên đủ điều kiện cấp GPLX
Bước 8	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Ký bảng kê GPLX. 	16	Bảng kê GPLX được cấp
Bước 9		Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - In giấy phép lái xe 	16	Giấy phép lái xe
Bước 10		Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> Kết thúc quy trình và trả kết quả 	08	Giấy phép lái xe

12. Cấp lại giấy phép lái xe

- Mã số TTTC:1.002820.000.00.00.H40

12.1. Trường hợp giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng

- a) Từ 03 tháng đến dưới 01 năm, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại lý thuyết để cấp lại giấy phép lái xe;
 b) Từ 01 năm trở lên, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại giấy phép lái xe.

Tổng thời gian thực hiện: 80 giờ làm việc (10 ngày làm việc) kể từ ngày đạt kết quả sát hạch

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí; - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định; - Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài; - Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định. 	08	Đơn đề nghị
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	04	
Bước 3		Chuyên viên	- Thẩm tra hồ sơ, đối chiếu thông tin hồ sơ	04	
Bước 4	Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ	Người có GPLX quá thời hạn sử	<ul style="list-style-type: none"> - Sát hạch lại lý thuyết (nếu GPLX quá hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm, kể từ ngày hết hạn); - Sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành lái xe trong hình và 	-	Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe

		dụng	thực hành lái xe trên đường (nếu GPLX quá hạn từ 01 năm trở lên, kể từ ngày hết hạn).		
Bước 5	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Chuyên viên	- Xác thực dữ liệu lên hệ thống quản lý GPLX trung ương; - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt, trình Lãnh đạo Sở ký điện tử GPLX qua hệ thống; - Trình trưởng phòng ký bảng kê GPLX; - In GPLX, giao kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	60	- Bảng kê Giấy phép lái xe; - Giấy phép lái xe
Bước 6	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	Kết thúc quy trình và trả kết quả	04	Giấy phép lái xe

12.2. Trường hợp giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng, được xét cấp lại giấy phép lái xe (nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, thì được cấp lại giấy phép lái xe).

Tổng thời gian thực hiện: 02 tháng và 5 ngày làm việc (40 giờ làm việc) kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí; - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	04	Đơn đề nghị

			- Hồ sơ gốc phù hợp với giấy phép lái xe (nếu có); - Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp cấp lại giấy phép lái xe không thời hạn các hạng A1, A2, A3.		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	04	
Bước 3		Chuyên viên	- Kiểm tra, theo dõi việc giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, thì được cấp lại giấy phép lái xe.	2 tháng	Hồ sơ lưu trữ
Bước 4	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Chuyên viên	- Xác thực dữ liệu lên hệ thống quản lý GPLX trung ương; - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt, trình Lãnh đạo Sở ký điện tử GPLX qua hệ thống; - Trình trưởng phòng ký bảng kê GPLX; - In GPLX, giao kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT&HTDN tỉnh.	28	- Bảng kê cấp giấy phép lái xe; - Giấy phép lái xe
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT&HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	Kết thúc quy trình và trả kết quả	04	Giấy phép lái xe

12.3. Trường hợp người có giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý

Tổng thời gian thực hiện: 2 tháng và 10 ngày làm việc (80 giờ làm việc) kể từ ngày kể từ ngày đạt kết quả sát hạch

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công,	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí; bố trí cho người có GPLX dự kỳ sát hạch phù hợp	08	Đơn đề nghị

	XTĐT& HTDN tỉnh		<p>Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy chuyển Phòng Quản lý vận tải</p> <p>- phương tiện người lái</p> <p>Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;</p> <p>- Bản chính hồ sơ gốc của giấy phép lái xe bị mất (nếu có);</p> <p>- Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;</p> <p>- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.</p>		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	04	
Bước 3		Chuyên viên	- Tiếp nhận, thẩm định, kiểm tra, theo dõi việc giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, thì được bố trí dự thi kỳ sát hạch phù hợp.	02 tháng	Hồ sơ lưu trữ
Bước 4	Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ	Người bị mất GPLX quá thời hạn sử dụng	<p>- Sát hạch lại lý thuyết (nếu GPLX quá hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm, kể từ ngày hết hạn);</p> <p>-Sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành (nếu GPLX quá hạn từ 01 năm trở lên, kể từ ngày hết hạn).</p>	-	Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe
Bước 5	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Chuyên viên	<p>- Xác thực dữ liệu lên hệ thống quản lý GPLX trung ương;</p> <p>- Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt, trình Lãnh đạo Sở ký điện tử GPLX qua hệ thống;</p> <p>- Trình trưởng phòng ký bảng kê GPLX;</p> <p>- In GPLX, giao kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.</p>	64	Giấy phép lái xe
Bước 6	Trung tâm	Chuyên viên	Kết thúc quy trình và trả kết quả	04	

	Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	tiếp nhận và trả kết quả			
--	--	--------------------------	--	--	--

13. Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp

- Mã số TTHC: 1.002809.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 40 giờ làm việc (5 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí. - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định; - Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3; - Bản sao giấy phép lái xe và hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài). 	08	Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	04	
Bước 3	PTNL	Chuyên viên	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ	22	Giấy phép lái xe

			- Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy phép lái xe.		
Bước 4		Chuyên viên	Chuyên viên Phòng chuyên môn chuyên kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	Kết thúc quy trình và trả kết quả	04	Giấy phép lái xe

14. Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp

- Mã số TTHC:1.002801.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 40 giờ làm việc (5 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<p>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí;</p> <p>- Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy chuyển Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái.</p> <p>Thành phần hồ sơ:</p> <p>1. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định; - Hồ sơ gốc (nếu có); <p>2. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ</p>	08	Đơn đề nghị

			<p>ngày 01 tháng 8 năm 1995:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định; - Bản sao giấy phép lái xe; Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi không tiếp tục phục vụ trong lực lượng Công an xã hoặc bản sao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên của các đơn vị trong Công an nhân dân; - Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3. <p>3. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp cho học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân trước ngày 31 tháng 7 năm 2020:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định; - Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3; - Bản sao Quyết định công nhận tốt nghiệp của các Trường, Học viện trong Công an nhân dân; - Hồ sơ gốc do ngành Công an cấp, gồm: Đơn đề nghị sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác; Giấy Chứng nhận sức khỏe của người lái xe; Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe; 		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải -	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	04	

Bước 3	PTNL	Chuyên viên	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ - Trình lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình lãnh đạo Sở ký Giấy phép lái xe.	22	Giấy phép lái xe
Bước 4		Chuyên viên	Chuyên viên Phòng chuyên môn chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	Giấy phép lái xe
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	Kết thúc quy trình và trả kết quả	04	Giấy phép lái xe

15. Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp

- Mã số TTHC: 1.002804.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 40 giờ làm việc (5 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<p>Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí;</p> <p>Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy chuyển Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái.</p> <p>Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định. - Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội do Thủ trưởng cấp Trung đoàn trở lên ký. Đối với lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp quốc phòng: Bản sao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 	08	Đơn đề nghị

			tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký. - Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3. - Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng.		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	04	
Bước 3		Chuyên viên	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy phép lái xe.	22	Giấy phép lái xe
Bước 4		Chuyên viên	Chuyên viên Phòng chuyên môn chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	Giấy phép lái xe
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	Kết thúc quy trình và trả kết quả	04	Giấy phép lái xe

16. Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài

- Mã số TTHC: 1.002796.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 40 giờ làm việc (5 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT&	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí; Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ	08	Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe

	HTDN tỉnh		<p>công trực tuyến Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái.</p> <p>Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe; - Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; đối với người Việt Nam xuất trình hợp pháp hóa lãnh sự giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, trừ các trường hợp được miễn trừ theo quy định của pháp luật; - Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định; trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3; - Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ; bản sao giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam đối với người nước ngoài. 		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	04	
Bước 3		Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, xử lý hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy phép lái xe. 	22	Giấy phép lái xe
Bước 4		Chuyên viên	Chuyên viên Phòng chuyên môn chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.	02	Giấy phép lái xe
Bước 5		Trung tâm Phục vụ hành	Chuyên viên tiếp nhận và	Kết thúc quy trình và trả kết quả	04

	chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	trả kết quả			
--	-----------------------------------	-------------	--	--	--

17. Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam

- Mã số TTHC: 1.002793.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 40 giờ làm việc (5 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<p>Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí; Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định; - Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh; - Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam; - 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.</p>	08	Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe

Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	04	
Bước 3		Chuyên viên	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy phép lái xe.	22	Giấy phép lái xe
Bước 4		Chuyên viên	Chuyên viên Phòng chuyên môn chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	Giấy phép lái xe
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	Kết thúc quy trình và trả kết quả	04	Giấy phép lái xe

18. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu

- Mã số TTHC:1.002030.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 64 giờ làm việc (08 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại; - Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải có Giấy hẹn kiểm tra. Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.	06	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng

		<p>Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - PTNL <p>Thành phần hồ sơ:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu; b) Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng là một trong những giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; - Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; - Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; - Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; - Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; - Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. c) Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng là một trong những giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của 		
--	--	--	--	--

		<p>Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu; - Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số; - Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước: <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; + Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy 		
--	--	---	--	--

			<p>định của pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng: + Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật; + Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại). <p>* Nếu nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng, giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (đối với trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính</p>		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo phòng	Tiếp nhận hồ sơ, phân công kiểm tra, xử lý	02	
Bước 3		Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng; - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa 	Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày (40 giờ làm việc) kể từ ngày viết	Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng

			<p>phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do;</p> <p>- Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT được tính từ ngày cấp đăng ký đến hết thời hạn của Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</p> <p>- Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt và ký nháy, trình Lãnh đạo Sở cấp giấy chứng nhận đăng ký và biển số.</p>	<p>giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày (40 giờ làm việc) kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.</p>	
Bước 4	Phòng Quản lý Vận tải – PTNL	Chuyên viên	Thẩm định, xử lý hồ sơ trình lãnh đạo phòng thẩm duyệt và ký nháy dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký	08	Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy chứng nhận đăng ký	04	Giấy chứng nhận đăng ký
Bước 6	Phòng Quản lý Vận tải – PTNL, Văn	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.	02	Giấy chứng nhận đăng ký

	thư Sở				
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	02	Giấy chứng nhận đăng ký và biển số

19. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn

- Mã số TTHC:2.000872.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 64 giờ làm việc (08 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại; - Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải có Giấy hẹn kiểm tra. Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn. - Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ 	06	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng

		<p>sơ nộp trực tuyến), chuyên hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - PTNL</p> <p>Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu;</p> <p>b) Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);</p> <p>c) Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng là một trong những giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; - Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; - Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; - Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; - Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; - Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. <p>d) Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng là một trong những giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước; - Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định 		
--	--	---	--	--

		<p>của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu</p> <p>Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước: <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; + Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật. - Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng: <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật; + Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại). <p>* Nếu nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng, giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (đối với trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy</p>		
--	--	--	--	--

			chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính		
Bước 2		Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	
Bước 3	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; - Tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng; - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do; - Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT được tính từ ngày cấp đăng ký đến hết thời hạn của Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày (40 giờ làm việc) kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày (40 giờ làm việc) kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị 	Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng
Bước 4	Phòng Quản lý Vận tải -	Chuyên viên	Thẩm định, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt và ký nháy dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký	08	Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký

	PTNL				
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy chứng nhận đăng ký	04	Giấy chứng nhận đăng ký
Bước 6	Phòng Quản lý Vận tải – PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	02	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số

20. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng

- Mã số TTHC:1.001919.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 24 giờ làm việc (3 ngày làm việc) kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - PTNL. Thành phần hồ sơ: a) Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu; b) Giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng	04	Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng

		<p>(bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) là một trong những giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; - Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; - Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; - Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; - Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; - Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. <p>c) Giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) là một trong những giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước; - Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu; - Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua 		
--	--	---	--	--

			<p>cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số;</p> <p>- Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:</p> <p>+ Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng:</p> <p>+ Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại</p>		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải -	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	02	

Bước 3	PTNL	Chuyên viên	Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ	08	
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	02	
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt cấp giấy chứng nhận giấy chứng nhận đăng ký tạm thời	04	Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời
Bước 6	Phòng Quản lý Vận tải – PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	02	Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời

21. Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng

- Mã số TTHC:1.001896.000.00.00.H40

21.1. Trường hợp xe máy chuyên dùng cải tạo, thay đổi màu sơn; thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký bị hỏng

Tổng thời gian thực hiện:

- 24 giờ làm việc (03 ngày làm việc) đối với các trường hợp: thay đổi màu sơn; thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu)

- 64 giờ làm việc (08 ngày làm việc) trong trường hợp xe máy chuyên dùng cải tạo.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành	Chuyên viên tiếp nhận và	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí;	04	Tờ khai đổi Giấy chứng nhận đăng ký,

	<p>chính công, XTĐT& HTDN tỉnh</p>	<p>tra kết quả</p>	<p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại;</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định: trong thời gian không quá 03 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký cho chủ sở hữu, thu và cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp;</p> <p>- Trường hợp đăng ký xe máy chuyên dùng cải tạo: hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải có Giấy hẹn kiểm tra. Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn;</p> <p>- Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị</p> <p>- Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải – phương tiện người lái.</p> <p>Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) Tờ khai đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu;</p> <p>b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp;</p> <p>c) Bản chính Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải đối với trường hợp xe</p>	<p>biển số xe máy chuyên dùng</p>
--	--	--------------------	--	-----------------------------------

			máy chuyên dùng cải tạo; d) Quyết định hoặc giấy tờ về việc thay đổi do cơ quan có thẩm quyền Cấp đổi với trường hợp chủ sở hữu thay đổi thông tin liên quan (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).		
Bước 2		Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	
Bước 3	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Chuyên viên	- Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; - Tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng; - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.	- Đối với các trường hợp thay đổi màu sơn; thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu): 08 giờ. - Trường hợp xe máy chuyên dùng cải tạo: 48 giờ.	Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, ký nháy dự thảo Giấy chứng nhận trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	02	Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng	04	Giấy chứng nhận đăng ký
Bước 6	Phòng Quản	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên	02	Giấy chứng nhận đăng

	ly Vận tải – PTNL, Văn thư Sở		viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.		ký
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	02	Giấy chứng nhận đăng ký hoặc biển số xe máy chuyên dùng

21.2. Trường hợp biển số bị hỏng

- Tổng thời gian thực hiện: 120 giờ làm việc (15 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí; - Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định: trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải cấp đổi biển số theo đúng số đã cấp cho chủ sở hữu, thu lại biển số hỏng; - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải – phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ: a) Tờ khai đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy	08	Tờ khai đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng

			chuyên dùng theo mẫu; b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp.		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	04	
Bước 3		Chuyên viên	Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ;	88	
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	04	
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt cấp biển số	08	Biển số xe máy chuyên dùng
Bước 6	Phòng Quản lý Vận tải – PTNL	Chuyên viên	Chuyên viên Phòng chuyên môn chuyên kết quả về Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT&HTDN tỉnh	04	Biển số xe máy chuyên dùng
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT&HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	04	Biển số xe máy chuyên dùng

22. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất

- Mã số TTHC: 2.000847.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 160 giờ làm việc (20 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành	Chuyên viên tiếp nhận và	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí;	08	Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký,

	chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	trả kết quả	Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ: a) Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu; b) Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký theo mẫu đối với trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đăng ký		biển số xe máy chuyên dùng
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	
Bước 3		Chuyên viên	- Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải trong thời hạn 15 ngày. Hết thời gian đăng tải nếu không nhận được ý kiến phản hồi liên quan đến tranh chấp xe máy chuyên dùng đề nghị cấp lại đăng ký, trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu;	140	
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	02	Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt cấp giấy chứng nhận đăng ký	04	Giấy chứng nhận đăng ký
Bước 6	Phòng Quản lý Vận tải –	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung	02	Giấy chứng nhận đăng ký

	PTNL, Văn thư Sở		tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh		
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	02	Giấy chứng nhận đăng ký và biên số

23. Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố

- Mã số TTHC: 2.000881.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 64 giờ làm việc (08 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<p>Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí;</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại;</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải có Giấy hẹn kiểm tra. Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.</p> <p>- Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá</p>	06	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng

		<p>05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải – phương tiện người lái <p>Thành phần hồ sơ:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu; b) Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu theo quy định là một trong những giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; - Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; - Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; - Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; - Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; - Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật <p>* Trừ các trường hợp: Nếu nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng, giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng, giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (đối với trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao</p>		
--	--	---	--	--

			<p>cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).</p>		
Bước 2		Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	
Bước 3	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Chuyên viên	<p>- Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ;</p> <p>- Tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng theo mẫu.</p> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra: trường hợp kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng theo tên của chủ sở hữu mới, giữ nguyên biển số cũ đã cấp, cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận đăng ký của chủ sở hữu cũ, vào Sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày (40 giờ làm việc) kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày (40 giờ làm việc) kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.</p>	Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng theo mẫu.

Bước 4	Phòng Quản lý Vận tải – PTNL	Chuyên viên	Thẩm định, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt và ký nháy	08	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt cấp giấy chứng nhận đăng ký	04	
Bước 6	Phòng Quản lý Vận tải – PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.	02	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	02	

24. Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Mã số TTHC:1.002007.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 24 giờ làm việc (3 ngày làm việc) kể từ ngày nhận được hồ sơ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí; Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại; - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ	04	Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng

		<p>công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải – phương tiện người lái.</p> <p>Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu;</p> <p>b) Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu theo quy định là một trong những giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; - Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; - Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; - Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; - Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật - Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. <p>* Trừ các trường hợp: Nếu nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng, giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (đối với trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở</p>		
--	--	---	--	--

			Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính. c) Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	
Bước 3		Chuyên viên	- Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ;	08	
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	02	Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng, thu lại biển số, cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, vào Sổ quản lý và trả hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký cho chủ sở hữu. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do	04	Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng
Bước 6	Phòng Quản lý Vận tải – PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.	02	Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	02	Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký

25. Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến

- Mã số TTHC: 1.001994.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 64 giờ làm việc (08 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<p>Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại; - Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ theo quy định thì Sở Giao thông vận tải có Giấy hẹn kiểm tra. Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn. - Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải – phương tiện người lái <p>Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu; b) Bản chính Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã 	06	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng

			đăng ký.		
Bước 2		Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	
Bước 3	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; - Tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng theo mẫu. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do. 	<p>Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày làm việc (40 giờ làm việc) kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xemáy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày làm việc (40 giờ làm việc) kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.</p>	Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng theo mẫu.
Bước 4		Chuyên viên	Thẩm định, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt và ký nháy dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng	08	Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng

Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt cấp giấy chứng nhận giấy chứng nhận đăng ký	04	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng.
Bước 6	Phòng Quản lý Vận tải – PTNL, Văn Phòng Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.	02	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng.
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	02	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

26. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng

- Mã số TTHC: 1.001826.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (2 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí; - Thu lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số, vào Sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng và trả lại hồ sơ đăng ký cho chủ sở hữu trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện phát hiện có vi phạm quy định về cấp đăng ký, biển số, Sở Giao thông vận tải ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số đã cấp và công bố trên Trang thông tin điện tử của	04	Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng

			<p>Sở Giao thông vận tải.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến Phòng Quản lý vận tải – phương tiện người lái <p>Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu; b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số (trừ trường hợp bị mất). 		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	
Bước 3		Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; - Dự thảo Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số đã cấp 	04	Dự thảo Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số đã cấp
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, ký nháy trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	02	
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số đã cấp	02	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số đã cấp
Bước 6	Phòng Quản lý Vận tải – PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số đã cấp
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả 	02	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số đã cấp

27. Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2

- Mã số TTHC: 1.000004.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 40 giờ làm việc (05 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị; - Quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền đối với nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ) trừ các dự án không phải phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực); - Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể; - Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực); - Hồ sơ thiết kế hình sát hạch, bản kê khai loại xe cơ giới dùng để sát hạch, loại thiết bị chấm điểm tự động. 	04	Văn bản đề nghị

Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	03	
Bước 3		Chuyên viên	- Kiểm tra hồ sơ, tổ chức kiểm tra, lập biên bản - Dự thảo Văn bản chấp thuận	20	Dự thảo Văn bản chấp thuận
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký nháy dự thảo Văn bản chấp thuận	03	Dự thảo Văn bản chấp thuận
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Văn bản chấp thuận	03	Văn bản chấp thuận
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn để chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.	03	Văn bản chấp thuận
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	04	Văn bản chấp thuận

28. Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động

- Mã số TTHC: 1.004998.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 80 giờ làm việc (10 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT&	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ	04	Văn bản đề nghị

	HTDN tỉnh		công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị.		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	03	
Bước 3		Chuyên viên	- Kiểm tra hồ sơ, tổ chức kiểm tra, lập biên bản - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.	60	Dự thảo Giấy chứng nhận
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.	03	Dự thảo Giấy chứng nhận
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy chứng nhận	03	Giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn để chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	03	
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	04	Giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động

29. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

- Mã số TTHC: 1.001023.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (2 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
----------------	------------------	-----------------	--------------------	---------------------------	------------------

<p>Bước 1</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh</p>	<p>Chuyên viên tiếp nhận và tra kết quả</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. <p>Thành phần hồ sơ:</p> <p>* Đối với phương tiện thương mại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh; - Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia). <p>* Đối với phương tiện phi thương mại gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ 	<p>03</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại;
---------------	---	---	--	-----------	--

			quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện; - Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	Dự thảo Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia
Bước 3		Chuyên viên	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.	02	
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.	02	
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	02	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn để chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	03	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

30. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

- Mã số TTHC: 1.002877.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (2 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ: * Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu. - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh; - Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và 	03	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại.

			<p>Campuchia).</p> <p>* Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu. - Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu); - Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực). 		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	
Bước 3		Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, xử lý hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. 	02	Dự thảo Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại.
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.	02	
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt	02	
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn để chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.	02	

	thư Sở				
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	03	

31. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

- Mã số TTHC: 1.002869.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (2 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. <p>Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu. - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân 	03	- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại;

		<p>hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia). <p>* Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu. - Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu); - Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực). <p>* Trường hợp Giấy phép liên vận hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu: thành phần hồ sơ theo quy định đối với phương tiện thương mại hoặc</p>		
--	--	--	--	--

			<p>phương tiện phi thương mại nêu ở trên.</p> <p>* Trường hợp Giấy phép liên vận hư hỏng, bị mất:</p> <p>- Đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại</p> <p>- Đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.</p>		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	
Bước 3		Chuyên viên	<p>- Kiểm tra, xử lý hồ sơ</p> <p>- Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.</p>	02	
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.	02	
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại.	02	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn để chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<p>- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình;</p> <p>- Trả kết quả.</p>	03	

32. Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

- Mã số TTHC: 1.001765.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 64 giờ làm việc (08 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<p>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).</p> <p>- Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Văn phòng Sở.</p> <p>Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cá nhân + Đơn đề nghị theo mẫu quy định; + Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính); + Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính); + 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng. <p>Trường hợp Bằng tốt nghiệp, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.</p> <p>- Cơ sở đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản theo mẫu quy định; + Hồ sơ cá nhân 	08	Đơn đề nghị tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên thực hành lái xe

Bước 2	Văn phòng Sở	Lãnh đạo Văn phòng	Phân công xử lý hồ sơ	04	
		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ	32	- Tham mưu, soạn thảo, trình giám đốc Sở ra quyết định thành lập Tổ kiểm tra kết quả tập huấn của cơ sở đào tạo đối với những hồ sơ đã được Sở duyệt
		Lãnh đạo Văn phòng	Kiểm tra, ký nháy, trình Lãnh đạo Sở	04	Các văn bản do chuyên viên soạn thảo
		Chuyên viên	Cùng tổ kiểm tra thực hiện kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả tập huấn; Dự thảo Quyết định công nhận trúng tuyển và giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	08	Dự thảo Quyết định công nhận trúng tuyển và giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.
		Lãnh đạo Văn phòng	Kiểm tra, ký nháy Dự thảo Quyết định công nhận trúng tuyển và giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, trình Lãnh đạo Sở ký duyệt.	08	
Bước 3	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	08	
Bước 4	Văn phòng Sở, Văn thư	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	04	Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	04	

33. Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

- Mã số TTHC: 1.004993.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 24 giờ làm việc (03 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Văn phòng Sở. Hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> * Trường hợp bị mất, bị hỏng: <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị theo mẫu quy định; - 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng. * Trường hợp có sự thay đổi về nội dung: <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị theo mẫu quy định; - 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng. - Tài liệu liên quan đến nội dung thay đổi tương ứng, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Thay đổi tên của cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: Bản sao (có chứng thực hợp pháp) quyết định của cấp có thẩm quyền về việc đổi tên; + Thay đổi ngày tháng năm sinh, xuất trình căn cước công dân. Trường hợp giấy tờ quy định đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử 	04	Đơn đề nghị

Bước 2	Văn phòng Sở	Lãnh đạo Văn phòng	Phân công xử lý hồ sơ	01	
		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ	03	- Dự thảo quyết định thành lập Tổ kiểm tra kết quả tập huấn của cơ sở đào tạo đối với những hồ sơ đã được Sở duyệt
		Lãnh đạo Văn phòng	Kiểm tra, ký nháy, trình Lãnh đạo Sở	01	Các văn bản do chuyên viên soạn thảo
		Chuyên viên	Cùng tổ kiểm tra thực hiện kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả tập huấn	08	Dự thảo Quyết định công nhận trúng tuyển và giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo mẫu quy định.
		Lãnh đạo Văn phòng	Kiểm tra, ký nháy, trình Lãnh đạo Sở	01	
Bước 3	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Quyết định công nhận trúng tuyển và giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo mẫu quy định	02	Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
Bước 4	Văn phòng Sở, Văn thư	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	02	

34. Cấp Giấy phép xe tập lái

- Mã số TTHC: 1.001735.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 08 giờ làm việc (01 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Văn phòng Sở Hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định; - Giấy đăng ký xe (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực). 	0,5	Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái
Bước 2	Văn phòng Sở	Lãnh đạo Văn phòng	Phân công xử lý hồ sơ	0,5	
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ	04	Tiến hành kiểm tra các điều kiện chuyên môn kỹ thuật đối với xe tập lái, soạn thảo giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định
Bước 4	Văn phòng Sở	Lãnh đạo Văn phòng	Kiểm tra, ký nháy, trình Lãnh đạo Sở	0,5	Dự thảo Giấy phép xe tập lái

Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy phép xe tập lái	0,5	Giấy phép xe tập lái
Bước 6	Văn phòng Sở, Văn thư	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Văn phòng lưu và chuyên kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	01	Giấy phép xe tập lái
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	01	Giấy phép xe tập lái

35. Cấp lại Giấy phép xe tập lái

- Mã số TTHC: 1.001751.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 24 giờ làm việc (03 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Văn phòng Sở Hồ sơ gồm: - Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định; - Giấy đăng ký xe (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).	04	Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái
Bước 2	Văn phòng Sở	Lãnh đạo Văn phòng	Phân công xử lý hồ sơ	02	

Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ	08	Tiến hành kiểm tra các điều kiện chuyên môn kỹ thuật đối với xe tập lái, soạn thảo giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định
Bước 4		Lãnh đạo Văn phòng	Kiểm tra, ký nháy, trình Lãnh đạo Sở	02	Giấy phép xe tập lái
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy phép xe tập lái	04	Giấy phép xe tập lái
Bước 6	Văn phòng Sở, Văn thư	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Văn phòng lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.	02	Giấy phép xe tập lái
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	02	Giấy phép xe tập lái

36. Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô

- Mã số TTHC:1.001777.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 80 giờ làm việc (10 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT&	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ	08	

	HTDN tỉnh		<p>công trực tuyến tới Văn phòng Sở.</p> <p>Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định; - Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực); - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực); - Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực); - Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực). 		Báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe
Bước 2	Văn phòng Sở	Lãnh đạo Văn phòng	Phân công xử lý hồ sơ	04	
		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ	44	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu văn bản mời đại diện cơ quan quản lý dạy nghề tham gia đoàn kiểm tra cấp giấy phép đào tạo. - Dự thảo quyết định thành lập Đoàn kiểm tra
		Lãnh đạo Văn phòng	Kiểm tra, ký nháy, trình Lãnh đạo Sở	04	Các văn bản do chuyên viên soạn thảo.
		Chuyên viên	Cùng đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các điều kiện cơ sở vật chất theo quy định	08	Lập biên bản; dự thảo giấy phép đào tạo lái xe ô tô theo mẫu quy định.
		Lãnh đạo Văn phòng	Kiểm tra, ký nháy dự thảo Giấy phép đào tạo lái xe ô tô, trình Lãnh đạo Sở	04	Dự thảo Giấy phép đào tạo lái xe ô tô

Bước 3	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	02	Giấy phép đào tạo lái xe ô tô
Bước 4	Văn phòng Sở, Văn thư	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Văn Phòng lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.	02	
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	04	Giấy phép đào tạo lái xe ô tô

37. Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo

- Mã số TTHC: 1.001648.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 64 giờ làm việc (08 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Văn phòng Sở Hồ sơ gồm: Thành phần hồ sơ (chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp phép gần nhất): <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định; - Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực); - Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu 	08	Báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe

			hoặc bản sao có chứng thực).		
Bước 2	Văn phòng Sở	Lãnh đạo Văn phòng	Phân công xử lý hồ sơ	04	
		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ	28	- Tham mưu văn bản mời đại diện cơ quan quản lý dạy nghề tham gia đoàn kiểm tra cấp giấy phép đào tạo. - Dự thảo quyết định thành lập Đoàn kiểm tra
		Lãnh đạo Văn phòng	Kiểm tra, ký nháy dự thảo quyết định thành lập Đoàn kiểm tra và các văn bản khác, trình Lãnh đạo Sở	04	Các văn bản do chuyên viên soạn thảo
		Chuyên viên	Cùng đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các điều kiện cơ sở vật chất theo quy định	08	Lập biên bản; dự thảo giấy phép đào tạo lái xe ô tô theo mẫu quy định.
		Lãnh đạo Văn phòng	Kiểm tra, ký nháy dự thảo Giấy phép đào tạo lái xe ô tô, trình Lãnh đạo Sở	04	Dự thảo Giấy phép đào tạo lái xe ô tô
Bước 3	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	02	Giấy phép đào tạo lái xe ô tô
Bước 4	Văn phòng Sở; Văn thư	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.	02	
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành	Chuyên viên tiếp nhận và	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình;	04	Giấy phép đào tạo lái xe ô tô

	chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	trả kết quả	- Trả kết quả		
--	-----------------------------------	-------------	---------------	--	--

38. Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác

- Mã số TTHC: 1.005210.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 24 giờ làm việc (03 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Văn phòng Sở Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô và nêu rõ lý do hỏng, mất hoặc nội dung cần thay đổi	03	Văn bản đề nghị
Bước 2	Văn phòng Sở	Lãnh đạo Văn phòng	Phân công xử lý hồ sơ	01	
		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ	04	- Tham mưu văn bản mời đại diện cơ quan quản lý dạy nghề tham gia đoàn kiểm tra cấp giấy phép đào tạo - Tham mưu, soạn thảo, trình giám đốc Sở ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra

		Lãnh đạo Văn phòng	Kiểm tra, ký nháy, trình Lãnh đạo Sở	01	Các văn bản do chuyên viên soạn thảo
		Chuyên viên	Cùng đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các điều kiện cơ sở vật chất theo quy định	08	Lập biên bản; Dự thảo giấy phép đào tạo lái xe ô tô theo mẫu quy định.
		Lãnh đạo Văn phòng	Kiểm tra, ký nháy dự thảo Giấy phép đào tạo lái xe ô tô, trình Lãnh đạo Sở	01	Dự thảo Giấy phép đào tạo lái xe ô tô
Bước 3	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt	02	Giấy phép đào tạo lái xe ô tô
Bước 4	Văn phòng Sở; Văn thư	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	02	Giấy phép đào tạo lái xe ô tô

39. Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động

- Mã số TTHC: 1.004987.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện:

+ Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: 80 giờ làm việc (10 ngày làm việc).

+ Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: 24 giờ làm việc (03 ngày làm việc).

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm	Chuyên viên	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả	04	Văn bản đề nghị

	Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	tiếp nhận và trả kết quả	cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ: - Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động. - Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận và nêu rõ lý do hỏng hoặc mất.		
Bước 2		Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	03	
Bước 3	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Chuyên viên	- Kiểm tra hồ sơ, tổ chức kiểm tra (trong trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe, lập biên bản). - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.	+ 60 giờ làm việc: Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe + 04 giờ làm việc: Trường hợp	Dự thảo Giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động

				bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận	
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.	03	
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	03	Giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn để chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	03	
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	04	

40. Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

- Mã số TTHC: 1.000703.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 40 giờ làm việc (05 ngày làm việc).

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành	Chuyên viên tiếp nhận và	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả	08	- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh

	chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	trả kết quả	<p>cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).</p> <p>- Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái.</p> <p>* Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải bao gồm:</p> <p>- Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;</p> <p>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;</p> <p>- Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).</p> <p>* Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với hộ kinh doanh vận tải gồm:</p> <p>- Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p>		doanh vận tải bằng xe ô tô;
Bước 2	Phòng QLVT-PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	04	
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, in Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	10	Soạn Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy, trình Lãnh đạo Sở	04	

Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Lãnh đạo Sở phụ trách	Ký Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	04	Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.	02	Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	08	Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

41. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy phép hoặc Giấy phép kinh doanh bị mất, hỏng, thu hồi, bị tước quyền sử dụng

- Mã TTHC: 2.002286.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 40 giờ làm việc (05 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ * Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh bao gồm: - Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu quy định; - Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh (việc thay đổi liên quan đến	08	Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

			<p>nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).</p> <p>* Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải) bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định; - Bản sao văn bản, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải; - Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử); - Tài liệu chứng minh việc khắc phục đối với vi phạm quy định: (1) Cung cấp bản sao không đúng với bản chính hoặc thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh; (2) Sửa chữa hoặc làm sai lệch dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe trước, trong và sau khi truyền dữ liệu. <p>* Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi (đối với hộ kinh doanh vận tải) gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Tài liệu chứng minh việc khắc phục đối với vi phạm quy định: (1) Cung cấp bản sao không đúng với bản chính hoặc thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh; (2) Sửa chữa hoặc làm sai lệch dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe trước, trong và sau khi truyền dữ liệu. 		
Bước 2	Phòng	Lãnh đạo	Phân công xử lý hồ sơ	04	

	QLVT-PTNL	Phòng			
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, in Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	10	Dự thảo Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy dự thảo Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trình Lãnh đạo Sở	04	
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Lãnh đạo Sở phụ trách	Ký Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	04	Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	08	Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

42. Cấp lại giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng

- Mã TTHC: 2.002287.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 24 giờ làm việc (03 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Hồ sơ gồm:	08	Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

			- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định.		
Bước 2	Phòng QLVT-PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	01	
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, in Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	02	Dự thảo Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (cấp lại)
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trình Lãnh đạo Sở	02	
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Lãnh đạo Sở phụ trách	Ký Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (cấp lại)		Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	01	
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	08	Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

43. Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng); kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe trung chuyển.

- Mã TTHC: 2.002288.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (02 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
----------------	------------------	-----------------	--------------------	---------------------------	------------------

Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. <p>Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định; - Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh. 	04	Giấy đề nghị cấp phù hiệu
Bước 2	Phòng QLVT-PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	02	
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, in phù hiệu	02	Phù hiệu
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký phù hiệu	03	Phù hiệu
Bước 5	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.	01	Phù hiệu
Bước 6	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả 	04	Phù hiệu

44. Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường, xe taxi tải và xe trung chuyển

- Mã TTHC:2.002289.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (02 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. <p>Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định; - Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh. 	04	Giấy đề nghị cấp phù hiệu
Bước 2	Phòng QLVT-PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	02	
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, in phù hiệu	02	Phù hiệu
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký phù hiệu	03	Phù hiệu
Bước 5	Phòng QLVT-PTNL, Văn	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.	01	Phù hiệu

	thư Sở				
Bước 6	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	04	Phù hiệu

45. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới

- Mã TTHC: 1.010707.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (02 ngày làm việc)

.Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Hồ sơ gồm: - Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu; - Giấy phép liên vận ASEAN (bản chính).	08	Giấy đề nghị gia hạn
Bước 2	Phòng QLVT-PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	01	
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	01	Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện

Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy, trình Lãnh đạo Sở	01	các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Lãnh đạo Sở phụ trách	Ký Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện	01	
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.	01	
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	03	Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới

46. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc

- Mã TTHC: 1.001737.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (02 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ gồm:	08	Giấy đề nghị gia hạn

			- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu. - Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (bản chính).		
Bước 2	Phòng QLVT-PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	01	Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	01	
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy, trình Lãnh đạo Sở	01	
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Lãnh đạo Sở phụ trách	Ký Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện	01	
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	01	
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả	03	

47. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

- Mã số TTHC: 1.002861.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (2 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm	Chuyên viên	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ	03	Giấy đề nghị cấp Giấy

	Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	tiếp nhận và trả kết quả	chức; Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến đến Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ: - Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu; - Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu.		phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	Dự thảo Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
Bước 3		Chuyên viên	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.	02	
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.	02	
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	02	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn để chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	03	

48. Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

- Mã số TTHC: 1.002859.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (2 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu; - Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu. 	03	Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	Dự thảo Giấy phép liên vận Việt - Lào
Bước 3		Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, xử lý hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. 	02	
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.	02	
Bước 5	Lãnh đạo Sở	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy phép liên vận Việt - Lào	02	Giấy phép liên vận Việt - Lào
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL,	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn để chuyển kết quả về Trung tâm	02	Giấy phép liên vận Việt - Lào

	Văn thư Sở		Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh		
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	03	Giấy phép liên vận Việt - Lào

49. Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam và Lào

- Mã TTHC: 1.002856.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (02 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải – phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ gồm: * Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với phương tiện thương mại gồm: - Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp 	08	Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào

			<p>đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào). <p>* Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu. - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện. - Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác) - Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào). 		
Bước 2	Phòng QLVT-PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	01	

Bước 3		Chuyên viên Phòng	Kiểm tra, xử lý hồ sơ	01	Dự thảo Giấy phép liên vận Việt - Lào
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy, trình Lãnh đạo Sở	01	
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt	01	Giấy phép liên vận Việt - Lào
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	01	Giấy phép liên vận Việt - Lào
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	03	Giấy phép liên vận Việt - Lào

50. Cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam và Lào

- Mã TTHC: 1.002852.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (02 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải – phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ gồm:	08	Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào

		<p>* Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với phương tiện thương mại gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh; - Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào). <p>* Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu. - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện. - Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm 		
--	--	--	--	--

			<p>quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác)</p> <p>- Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).</p> <p>* Trường hợp Giấy phép liên vận hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu: thành phần hồ sơ theo quy định đối với phương tiện thương mại hoặc phương tiện phi thương mại nêu ở trên.</p> <p>* Trường hợp Giấy phép liên vận hư hỏng, bị mất:</p> <p>- Đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại</p> <p>- Đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại.</p>		
Bước 2	Phòng QLVT-PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	01	Dự thảo Giấy phép liên vận Việt - Lào
Bước 3		Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ	01	
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy, trình Lãnh đạo Sở	01	
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy phép liên vận Việt - Lào	01	Giấy phép liên vận Việt - Lào

Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	01	Giấy phép liên vận Việt - Lào
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	03	Giấy phép liên vận Việt - Lào

51. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào

- Mã số TTHC: 1.002063.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (2 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ: - Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu. - Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (bản chính).	03	Giấy đề nghị gia hạn
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	
Bước 3		Chuyên viên	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký văn bản gia hạn thời gian lưu hành hoặc gia hạn trong giấy	02	Dự thảo văn bản gia hạn

			phép liên vận.		
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký văn bản gia hạn thời gian lưu hành hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận.	02	Dự thảo văn bản gia hạn
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Văn bản gia hạn	02	Văn bản gia hạn thời gian lưu hành hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn để chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	03	Văn bản gia hạn thời gian lưu hành hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận.

52. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia

- Mã số TTHC: 1.001577.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (2 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ: - Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.	03	Giấy đề nghị gia hạn

			- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (bản chính).		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	
Bước 3		Chuyên viên	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia.	02	
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia.	02	Dự thảo Giấy phép gia hạn liên vận Việt Nam và Campuchia
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Giấy phép liên vận Việt Nam và Campuchia được gia hạn	02	Giấy phép liên vận Việt Nam và Campuchia được gia hạn
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn để chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	03	Giấy phép liên vận Việt Nam và Campuchia được gia hạn

53. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia

- Mã số TTHC: 1.002286.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (2 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
----------------	------------------	-----------------	--------------------	---------------------------	------------------

Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu; - Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (bản chính). 	03	Giấy đề nghị gia hạn
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	
Bước 3		Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, xử lý hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia 	02	
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	02	
Bước 5		Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia (Gia hạn trong Giấy phép liên vận hoặc bằng văn bản)	02
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn để chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.	02	
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả. 	03	

54. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

- Mã số TTHC: 1.002268.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (2 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh; - Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu; - Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối 	03	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia; - Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

			chiều).		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	
Bước 3		Chuyên viên	- Kiểm tra, xử lý hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký văn bản Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.	02	Dự thảo Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký văn bản Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.	02	
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02	Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn để chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	03	Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

55. Ngày khai thác tuyến, ngày phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

- Mã số TTHC: 1.010709.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (2 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
----------------	------------------	-----------------	--------------------	---------------------------	------------------

Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. <p>Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu; - Thông báo khai thác tuyến; - Ký hiệu phân biệt quốc gia; - Giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác. 	03	Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Bước 2		Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	
Bước 3	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, xử lý hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký văn bản Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. 	02	Dự thảo Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký văn bản Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.	02	
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.	02	Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn để chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	
Bước 7	Trung tâm	Chuyên viên	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết	03	Thông báo ngừng khai

	Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	tiếp nhận và trả kết quả	thức quy trình; - Trả kết quả.		thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
--	--	--------------------------	-----------------------------------	--	--

56. Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

- Mã số TTHC: 1.010708.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (2 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. <p>Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân 	03	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia; - Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

			<p>hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu; - Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). 		
Bước 2	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	
Bước 3		Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, xử lý hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định và xác nhận vào hợp đồng đối tác của đơn vị kinh doanh vận tải. 	02	Dự thảo Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định và xác nhận vào hợp đồng đối tác của đơn vị kinh doanh vận tải.	02	
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02	Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn để chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh.	02	
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT&	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả. 	03	Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định

	HTDN tỉnh				giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
--	-----------	--	--	--	----------------------------------

57. Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia

- Mã số TTHC: 1.010710.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 16 giờ làm việc (2 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý vận tải - phương tiện người lái. Thành phần hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu 	03	Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
Bước 2		Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ.	02	
Bước 3	Phòng Quản lý Vận tải - PTNL	Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, xử lý hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký văn bản Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. 	02	Dự thảo Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Bước 4		Lãnh đạo phòng	Kiểm tra, thẩm duyệt trình Lãnh đạo Sở ký văn bản Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.	02	
Bước 5	Sở Giao	Phó Giám	Ký duyệt Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận	02	Thông báo tăng/giảm

	thông vận tải	đốc Sở phụ trách	tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia		tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
Bước 6	Phòng QLVT-PTNL, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn để chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả.	03	Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

58. Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải

- Mã số TTHC: 2.001915.000.00.00.H40

- Tổng thời gian thực hiện: 40 giờ làm việc (05 ngày làm việc)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ)	Biểu mẫu/kết quả
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu tiếp nhận và hẹn trả cho cá nhân/ tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). - Phân loại, số hóa hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến), chuyển hồ sơ trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến tới Phòng Quản lý kết cấu HTGT. - Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình theo mẫu.	02	Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
Bước 2	Phòng Quản lý KCHT	Lãnh đạo Phòng	Phân công xử lý hồ sơ	34	

Bước 3	giao thông	Chuyên viên	Kiểm tra, xử lý hồ sơ		Dự thảo Văn bản gia hạn chấp thuận
Bước 4		Lãnh đạo Phòng	Kiểm tra, ký nháy, trình Lãnh đạo Sở		
Bước 5	Sở Giao thông vận tải	Phó Giám đốc Sở phụ trách	Ký duyệt Văn bản gia hạn chấp thuận		Văn bản gia hạn chấp thuận
Bước 6	Phòng QLKCHTGT, Văn thư Sở	Chuyên viên	Văn thư Văn phòng Sở đóng dấu, trả kết quả cho Chuyên viên Phòng chuyên môn lưu và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	02	
Bước 7	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT& HTDN tỉnh	Chuyên viên tiếp nhận và trả kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết thúc quy trình; - Trả kết quả 	02	Văn bản gia hạn chấp thuận